

PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM VỀ LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM - NHỮNG VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

THS. NGUYỄN VĂN TIẾN

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao



Trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự phát triển của ngành kinh doanh bảo hiểm thì các vụ án tranh chấp về bảo hiểm ngày càng tăng về số lượng và mức độ phức tạp đã đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ mới cho Tòa án nhân dân các cấp trong việc giải quyết các tranh chấp này. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án cho thấy pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nói chung cũng như quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nói riêng cũng còn một số hạn chế, bất cập. Trong phạm vi bài tham luận này, tôi sẽ đưa

ra một số vướng mắc điển hình trong quá trình giải quyết các tranh chấp về bảo hiểm tại Tòa án và nêu một vài kiến nghị để trao đổi tại buổi Hội thảo này như sau:

1. Về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Để bảo đảm yêu cầu như đã đề cập ở trên, đối với pháp luật về hợp đồng kinh doanh bảo hiểm hiện hành phải xem xét một số quy định cụ thể mà trong đó cần có sự quan tâm đặc biệt đến những quy định tồn tại mang tính bản chất, thể hiện đặc thù của hoạt động thương mại đặc biệt này. Những quy định này mang tính cá biệt hoá nội dung pháp luật kinh doanh bảo hiểm so với nội dung pháp luật về các hoạt động thương mại khác. Nguyên tắc bình đẳng-tự do-tự nguyện cam kết, thỏa thuận được ghi nhận tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Dân sự¹ thì nội dung của hợp đồng là hoàn toàn do các bên quyết định và phụ thuộc vào ý chí của các bên, các quy định về nội dung hợp đồng trong Bộ Luật Dân sự chỉ mang tính chất khuyến nghị các bên trong quan hệ hợp đồng thỏa thuận để hạn chế được phần nào những tranh chấp, bất đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong khi đó, nội dung của hợp đồng bảo hiểm theo quy

¹ **Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự**

1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

định tại Điều 13 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010 (*sau đây gọi là Luật Kinh doanh bảo hiểm*) có quy định: “...*Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm...*” là bắt buộc, không thể thiếu, buộc các phải ghi nhận trong hợp đồng. Xét về tính chất của kinh doanh bảo hiểm thì kinh doanh bảo hiểm bản chất là hoạt động thương mại đặc thù, có đối tượng hợp đồng cũng đặc thù, được quy định tại khoản 2 Điều 6² Luật Kinh doanh bảo hiểm, đó là “*Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm các yêu cầu về tài chính để thực hiện các cam kết của mình đối với bên mua bảo hiểm*”. Vì vậy, những nội dung của hợp đồng mà Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định như phân tích nêu trên phải được thỏa thuận bắt buộc và phải được ghi nhận tại trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm. Việc ghi nhận “*Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” trong hợp đồng sẽ giúp cho người mua bảo hiểm xác định được rõ ràng quyền và nghĩa vụ của mình khi ký hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, quy định về “*Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” trong Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện nay chưa hợp lý, chưa bảo đảm được nguyên tắc cân bằng quyền lợi của các chủ thể khi tham gia quan hệ kinh doanh bảo hiểm. Cụ thể, theo quy định tại Điều 16³ Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện nay thì điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được hiểu là các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền hoặc không phải bồi thường khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Nghĩa là, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra thì doanh nghiệp bảo hiểm được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, bên mua bảo hiểm sẽ không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào của bên bán bảo hiểm. Quy định này nhằm hướng tới mục đích bảo đảm ghi nhận bản chất của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là luôn dựa trên nguyên tắc lấy số đông để bù chi trả cho thiểu số. Hoạt động chi trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp chỉ có thể được tiến hành khi số lượng người mua bảo hiểm gấp nhiều lần số người gặp những rủi ro. Ngược lại, khi số lượng người tham gia mua bảo hiểm không đáng kể mà doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ chi trả bảo hiểm thì việc chi trả này của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không rơi vào trạng thái đối mặt với nguy cơ mất khả năng thanh toán khi xảy ra những sự kiện bảo hiểm như thiên tai, chiến tranh... Bởi lẽ, những sự kiện bảo hiểm này sẽ gây ra hàng loạt những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe,

² Điều 6. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động bảo hiểm

...

2. *Doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm các yêu cầu về tài chính để thực hiện các cam kết của mình đối với bên mua bảo hiểm.*

³ Điều 16. Điều khoản của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, điều kiện giao dịch chung không có hiệu lực

1. *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.*

2. *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng.*

3. *Không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau đây:*

a) *Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý;*

b) *Bên mua bảo hiểm có lý do chính đáng trong việc chậm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.*

tài sản của con người trên phạm vi rộng và quy mô vô cùng lớn. Vì vậy, doanh nghiệp bảo hiểm lúc này có thể sẽ không đủ khả năng tài chính để chi trả các khoản tiền bảo hiểm và tiền bồi thường cho những tổn thất mà người mua bảo hiểm phải gánh chịu. Thậm chí xấu hơn là doanh nghiệp bảo hiểm có thể phải đối mặt với nguy cơ phá sản khi rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Do đó, có thể khẳng định quy định về điều khoản “loại trừ trách nhiệm bảo hiểm” là quy định bắt buộc phải có trong hợp đồng nhưng thực tế tồn tại hạn chế, vướng mắc sau đây:

Hạn chế thứ nhất, Luật Kinh doanh bảo hiểm chỉ đề cập đến khái niệm, nguyên tắc và trường hợp ngoại lệ của điều khoản “*loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” mà không quy định giới hạn của các doanh nghiệp bảo hiểm khi xác định những trường hợp được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của mình từ đó dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bảo hiểm có thể sử dụng các trường hợp “*loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” như là một trong các công cụ để giải thoát khỏi nghĩa vụ chi trả khoản tiền bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay thì các hợp đồng kinh doanh bảo hiểm là một dạng hợp đồng theo mẫu. Khoản 1 Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.*” Tương tự như vậy tại Điều 405 của Bộ luật Dân sự 2015 cũng có quy định về hợp đồng theo mẫu như sau: “*Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.*”. Tại khoản 5 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 (sau đây gọi là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng) quy định: “*Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ soạn thảo để giao dịch với người tiêu dùng*”. Như vậy, loại hợp đồng với các điều khoản được xây dựng trên cơ sở ý chí của một bên mà bên còn lại của hợp đồng không có cơ hội thỏa thuận, chỉ có thể thể hiện ý chí thông qua việc tham gia hoặc không tham gia hợp đồng thì khả năng kiểm soát của bên mua bảo hiểm đối với các trường hợp “*loại trừ trách nhiệm*” mà doanh nghiệp bảo hiểm đưa vào trong hợp đồng là không thể thực hiện được. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể dễ dàng “*lạm dụng*” quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm để từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm khi có rủi ro xảy ra, hệ quả là quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm sẽ không được bảo đảm chi trả trên thực tế.

Hạn chế thứ hai, Luật Kinh doanh bảo hiểm không quy định về hậu quả pháp lý đối với những hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Do Luật này không quy định hậu quả pháp lý nên gây lúng túng cho các chủ thể trong hợp đồng và gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp khi xác định quyền và nghĩa vụ của các bên khi không thỏa thuận về điều khoản loại trừ. Thực tế

hiện nay tồn tại các quan điểm khác nhau về việc xác định hậu quả pháp lý khi hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:

Quan điểm 1 cho rằng: các bên thoả thuận thiếu điều khoản bắt buộc phải có trong hợp đồng thì có thể sẽ bị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu nếu tranh chấp đó bị khởi kiện đến Tòa án.

Quan điểm 2 cho rằng: Hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm thì cần phải xác định là hợp đồng chưa hình thành vì những điều khoản bắt buộc loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Quan điểm 3 cho rằng: Trong trường hợp hợp đồng quy định thì áp dụng quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Hạn chế thứ ba, Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 có điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại Điều 1⁴ và quy định đối tượng áp dụng đối với người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam tại Điều 2⁵ của Luật này. Như vậy, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bảo hiểm và bên sử dụng dịch vụ bảo hiểm đương nhiên bị Luật Bảo vệ người tiêu dùng điều chỉnh.

Hơn nữa, Điều 16⁶ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quy định giao dịch chung giữa các bên không có hiệu lực khi vi phạm: “...*quy tắc, quy định bán hàng, cung ứng*

⁴ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

⁵ Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam.

⁶ Điều 16. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

1. Điều khoản của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, điều kiện giao dịch chung không có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- a) Loại trừ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng theo quy định của pháp luật;*
- b) Hạn chế, loại trừ quyền khiếu nại, khởi kiện của người tiêu dùng;*
- c) Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đơn phương thay đổi điều kiện của hợp đồng đã thỏa thuận trước với người tiêu dùng hoặc quy tắc, quy định bán hàng, cung ứng dịch vụ áp dụng đối với người tiêu dùng khi mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ không được thể hiện cụ thể trong hợp đồng;*
- d) Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đơn phương xác định người tiêu dùng không thực hiện một hoặc một số nghĩa vụ;*
- đ) Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định hoặc thay đổi giá tại thời điểm giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ;*

dịch vụ áp dụng đối với người tiêu dùng khi mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ không được thể hiện cụ thể trong hợp đồng...”. Như vậy, xét mối tương quan giữa Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật Kinh doanh bảo hiểm thì thấy những quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc phải tồn tại trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm.

Để tránh tình trạng quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng bị xâm phạm bởi những quy định có tính chất loại trừ trách nhiệm của chủ thể kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được thiết kế sẵn trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thì những điều khoản loại trừ này sẽ không có hiệu lực. Đồng nghĩa với quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm chi trả khoản tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra kể cả trong trường hợp thực tế doanh nghiệp bảo hiểm được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định của hợp đồng.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, một số Tòa án cho rằng có sự khác nhau giữa Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật Kinh doanh bảo hiểm khi cùng quy định về những điều khoản loại trừ trách nhiệm của chủ thể kinh doanh dịch vụ. Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định điều khoản loại trừ như là một điều kiện để xác định sự tồn tại của hợp đồng kinh doanh bảo hiểm. Còn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng lại phủ nhận sự tồn tại của điều khoản này bằng cách không thừa nhận giá trị hiệu lực của nó mặc dù điều khoản này tồn tại trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm.

Khi áp dụng hai quy định của luật này dẫn đến hai hậu quả pháp lý hoàn toàn trái ngược nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể, khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra trong trường hợp được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: Nếu áp dụng quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không phải thực hiện trách nhiệm bảo hiểm và bên mua bảo hiểm sẽ không nhận được tiền bảo hiểm. Còn áp dụng quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm và bên mua bảo hiểm sẽ nhận được toàn bộ khoản tiền bảo hiểm theo thoả thuận. Thực tế, tình trạng này sẽ dẫn đến một hệ quả là hai bên trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm sẽ áp dụng quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng và Luật kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và thấy bên nào trong hợp đồng cũng đưa ra căn cứ hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Thông thường trong tình huống như vậy, có thể phải

e) Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ giải thích hợp đồng trong trường hợp điều khoản của hợp đồng được hiểu khác nhau;

g) Loại trừ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thông qua bên thứ ba;

h) Bắt buộc người tiêu dùng phải tuân thủ các nghĩa vụ ngay cả khi tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hoàn thành nghĩa vụ của mình;

i) Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho bên thứ ba mà không được người tiêu dùng đồng ý.

2. Việc tuyên bố và xử lý điều khoản của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, điều kiện giao dịch chung không có hiệu lực được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

vận dụng nguyên tắc ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành (mối quan hệ giữa luật chung và luật riêng) để giải quyết vấn đề.

Câu hỏi đặt ra là trong mối quan hệ giữa Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì văn bản nào là văn bản có tính chất là Luật chung và văn bản nào có tính chất là luật chuyên ngành để ưu tiên áp dụng trong hoàn cảnh này. Trong mối quan hệ giữa hai văn bản pháp luật trên đây thì việc lựa chọn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chính xác mới bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ bảo hiểm. Điều 156 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật⁷ có quy định như sau: “2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. 3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau...”. Tuy nhiên, tại điều khoản thi hành của Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 và Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì thấy cả hai Luật này đều có hiệu lực cùng một thời điểm là ngày 01 tháng 7 năm 2011. Vậy thực tiễn đặt ra của người làm công tác xét xử là phải áp dụng luật nào để giải quyết?

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là luật có tính chất quy định chung, luật này hướng đến bảo vệ cho đối tượng là khách hàng trong quá trình thực hiện hành vi mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức với bên cung ứng dịch vụ. Còn Luật Kinh doanh bảo hiểm là luật chuyên ngành được ban hành nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Vì vậy, cần có những quy định mang tính đặc thù để bảo đảm thể hiện đúng bản chất của hoạt động thương mại đặc biệt này theo nguyên tắc bảo đảm quyền lợi cho cả bên bán bảo hiểm và bên mua bảo hiểm.

2. Một số kiến nghị

Từ thực tiễn vướng mắc nói trên, chúng tôi kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo hướng hợp lý hơn như trên đã phân tích;

⁷Điều 156 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.

4. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra, trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm;
- Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp đồng bảo hiểm về giới hạn của các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo cần đưa vào hợp đồng, cụ thể theo hướng như sau: “*Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chỉ được thoả thuận nhằm mục đích bảo đảm cho khả năng thanh toán của doanh nghiệp cung cấp bảo hiểm*”.
- Sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm liên quan đến hậu quả pháp lý của hợp đồng bảo hiểm khi các bên trong quan hệ bảo hiểm không thoả thuận điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.
- Sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc xác định hiệu lực áp dụng trong Luật Kinh doanh bảo hiểm khi có **xung đột, mâu thuẫn** với Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các luật khác liên quan (*nếu có*).

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định trên nên xem xét toàn diện với các quy định khác có liên quan theo hướng cần có Luật Kinh doanh bảo hiểm mới thay thế Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện nay.

Trên đây là một số kiến nghị nhằm khắc phục những điểm tồn tại, hạn chế trong Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm. Kiến nghị này được dựa trên nguyên tắc tôn trọng sự thoả thuận của các bên trong quan hệ hợp đồng nhưng đồng thời cũng phải đảm bảo sự cân bằng quyền lợi của các chủ thể tham gia cũng như nhu cầu quản lý của nhà nước đối với hoạt động thương mại đặc thù này.



SOURCE: Kỷ yếu Hội thảo của Tòa án nhân dân tối cao về “*Pháp luật kinh doanh bảo hiểm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ*” . Nha Trang, 8/2019